BẢN TIN THAN TUẦN 2 - THÁNG 5

(Từ 06/05-10/05)

I. PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG THAN

1. GIÁ THAN KHU VỰC

Đơn vị tính: USD/tấn

Chỉ số giá	Tuần 15/04-19/04	Tuần 22/04-26/04	Tuần 29/04-03/05	Tuần 06/05-10/05
FOB Kalimantan 4,200 GAR	38,65	38,62	39,3	39,8
FOB Kalimantan 3,800 GAR	30,50	30,41	30,475	30,8875
FOB Kalimantan 5,900 GAR	69,70	70,5	71,5	69,675
FOB Kalimantan 5,000 GAR	51,90	52,42	53,175	52,15
FOB Newcastle 6,300 GAR	83,88	84,33	83,41	81,725
FOB Richards Bay 5,500 NAR	58,00	57,33	59,49	53,05
NEWC (FOB Newcastle 6000 NAR)	89,34	87,72	86,91	85,86

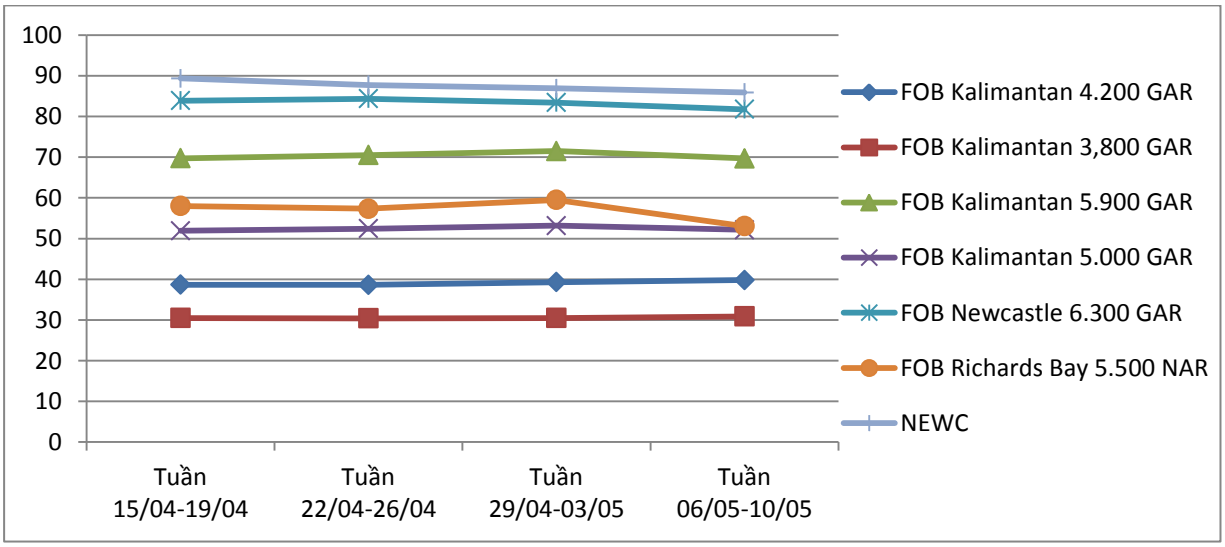

Biểu đồ 1: Giá than trung bình khu vực đến tuần 2 tháng 5 (2019)

(Nguồn: Platts Coal Trader International)

2. CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Đơn vị: USD/tấn

	Cước vận tải tuần 2 tháng 5	06/05	07/05	08/05	09/05	10/05
	Tàu Capesize (150,000 tấn)					
1	Úc – Trung Quốc	N/A	7,30	7,60	7,80	8,05
2	Queensland – Nhật Bản	N/A	8,15	8,45	8,80	9,10
3	New South Wales – Hàn Quốc	N/A	9,00	9,30	9,65	9,95
	Tàu Panamax (70,000 tấn)					
1	Richards Bay - Tây Ấn Độ	N/A	12,35	12,45	12,45	12,45
2	Kalimantan - Tây Ấn Độ	N/A	8,10	8,25	8,25	8,25
3	Richards Bay - Đông Ấn Độ	N/A	12,50	12,60	12,60	12,60
4	Kalimantan - Đông Ấn Độ	N/A	6,75	6,90	6,90	6,90
5	Úc - Trung Quốc	N/A	10,95	10,95	10,95	10,90
6	Úc - Ấn Độ	N/A	12,25	12,40	12,40	12,20

(Nguồn: Platts Coal Trader International)

II. ĐIỂM TIN

Nhập khẩu than của Việt Nam trong tháng 4 tăng 75% so với năm trước lên 3,88 triệu tấn

Việt Nam đã nhập khẩu 3,88 triệu tấn than trong tháng 4 năm nay, tăng 75,4% so với cùng kỳ năm trước, theo dữ liệu sơ bộ do Hải quan Việt Nam công bố đầu tháng 5. Úc là nhà cung cấp lớn nhất trong tháng với 1,56 triệu tấn, cao gấp bốn lần so với năm trước, tiếp theo là Indonesia, Nga và Trung Quốc. Trong bốn tháng đầu năm, Việt Nam đã nhập khẩu 13,34 triệu tấn than, nhiều hơn gấp đôi so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu là từ Indonesia, Úc và Nga.

Nhập khẩu than của Việt Nam theo nước

	T4/2019	T4/2018	Thay đổi theo năm	T3/2019	Thay đổi theo tháng
Úc	1.564.821	363.984	329,91%	1.120.778	329,91%
Indonesia	1.291.752	1.291.700	0,00%	1.521.100 -	0,00%
Nga	1.291.752	1.291.700	0,00%	1.521.100 -	0,00%
Trung Quốc	697.733	159.479	337,51%	699.284 -	337,51%
Nhật Bản	5.505				
Tổng	**3.880.094**	**2.211.746**	**75,43%**	**3.964.603**	**75,43%**

	T1-T4/2019	T1-T4/2018	Thay đổi theo năm
Indonesia	5,055,608	3,225,498	56,74%
Úc	4,429,036	1,434,252	208,80%
Nga	2,281,528	455,160	401,26%
Trung Quốc	391,608	245,509	59,51%
Nhật Bản	16,322	4,903	232,90%
Tổng	**13,342,776**	**5,979,033**	**123,16%**

Việt Nam chỉ xuất khẩu 193 tấn than, chủ yếu là than antraxit, trong tháng 4, giảm 99,9% so với năm trước, chủ yếu sang Nhật Bản. Từ tháng 1 đến tháng 4, Việt Nam đã xuất khẩu 31.574 tấn than, giảm 95,7% so với năm trước, chủ yếu sang Nhật Bản.

Xuất khẩu than của Việt Nam theo nước

	T4/2019	T4/2018	Thay đổi theo năm	T3/2019	Thay đổi theo tháng
Nhật	144	37.208	-99,61%	140	2,86%
Tổng	**193**	**156.578**	**-99,88%**	**458**	**-57,86%**

	T1-T4/2019	T1-T4/2018	Thay đổi theo năm
Nhật Bản	31.129	291.162	-89,31%
Malaysia	278	41.186	-99,33%
Tổng	**31.574**	**731.796**	**-95,69%**

Nhập khẩu ồ ạt cùng với xuất khẩu giảm mạnh là kết quả của việc EVN đẩy mạnh sản xuất điện than để đáp ứng nhu cầu điện trong nước gia tăng. Vinacomin cũng cho biết đã bán 14,54 triệu tấn than trong bốn tháng đầu năm, tăng 4% so với năm ngoái. Hầu hết than sản xuất ra để phục vụ cho ngành điện, xi măng và các ngành công nghiệp khác trong nước.

Dự đoán tổng mức tiêu thụ điện năng của Trung Quốc sẽ tăng 5,8% trong năm 2019

Tổng mức tiêu thụ điện năng của Trung Quốc dự kiến sẽ tăng trong năm nay, sau khi đạt mức cao kỷ lục trong vòng năm năm vào năm 2018, từ đó tiếp tục thúc đẩy nhu cầu sử dụng than của nước này, Viện Kỹ thuật và Quy hoạch Điện Trung Quốc cho biết trong báo cáo thường niên được công bố cuối tháng 4.

Báo cáo cho thấy, tổng mức tiêu thụ điện năng của Trung Quốc dự kiến sẽ tăng 5,8% trong năm nay, tương ứng với 4,64 tỷ tấn than. Con số này tăng 3,3% so với mức kỷ lục năm ngoái. Trong năm 2018, khối lượng than tiêu thụ đạt 3,9 tỷ tấn, tăng 1% so với năm 2017. Báo cáo cũng cho thấy nhu cầu sử dụng than dự kiến sẽ đạt 3,95 tỷ tấn trong năm nay, trong đó chủ yếu phục vụ cho ngành điện.

Báo cáo dự báo sản lượng than trong nước sẽ đạt 3,75 tỷ tấn trong năm nay, tăng khoảng 1,9% so với 3,68 tỷ tấn năm ngoái, nhờ các mỏ than trong nước cải thiện hiệu quả sản xuất. Ngoài ra dự kiến tổng khối lượng than nhập khẩu của Trung Quốc sẽ đạt mức 290 triệu tấn trong năm nay, tăng 3,6% so với 280 triệu tấn năm ngoái. Tuy nhiên, Trung Quốc đã áp dụng quy định hạn chế nhập khẩu than qua đường biển vào cuối năm ngoái khi nhập khẩu vượt 271 triệu tấn trong năm 2017. Khi hạn ngạch nhập khẩu được thiết lập lại vào tháng 1, thị trường đã ghi nhận tình trạng trì hoãn thông quan các chuyến hàng than Úc.

Sản lượng than của Glencore trong quý I 2019 tăng 8% lên 33,2 triệu tấn

Trong quý I, Glencore đã sản xuất được 33,2 triệu tấn than nhiệt và than cốc, tăng 1,5% so với quý trước và 8,1% so với quý I năm 2018, trong khi mục tiêu sản lượng cho năm 2019 không thay đổi ở mức 145 triệu tấn. Glencore, nhà sản xuất than nhiệt lớn nhất thế giới, đã khai thác được 16,7 triệu tấn than nhiệt từ các mỏ than Úc. Trong đó 14,9 triệu tấn than giành cho xuất khẩu, tăng 16,1% so với quý IV năm 2018 và 4,9% so với cùng kỳ năm trước, còn lại 1,8 triệu tấn để phục vụ trong nước, giảm 25% so với cả quý I và IV năm 2018. Glencore cho biết việc mua lại cổ phần tại cụm mỏ Hunter Valley và Hail Creek giúp bù đắp sản lượng bị mất do trượt lở vỉa than và đóng cửa mỏ.

Tại Nam Phi, sản lượng trong quý I đạt 7,1 triệu tấn, không đổi so với quý IV/2018 và tăng 9,2% so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng tăng so với năm trước nhờ Glencore khởi động lại mỏ Hlagisa trong quý II năm 2018. Trong 7,1 triệu tấn, 3,8 triệu tấn giành cho xuất khẩu, giảm 7,3%

so với quý IV/2018 và 5,0% so với cùng kỳ năm trước, còn lại 3,3 triệu tấn để phục vụ trong nước, tăng 10,0% so với quý trước đó và 32,0% so với quý I/2018.

Tại Colombia, Glencore đã sản xuất được 3,6 triệu tấn than từ mỏ Prodeco, tăng 20% so với cả quý I và quý IV trước. Sản lượng của Glencore thu được từ mỏ Cerrejon - nơi Glencore sở hữu 1/3 cổ phần cùng với Anglo American và BHP - là 2,2 triệu tấn, giảm 4,4% so với quý IV/2018 và 8,3% so với quý I/2018.

Sản lượng than cốc và than bán mềm - tất cả đều là than Úc – đạt 3,6 triệu tấn, tăng 2,9% so với quý IV/2018 và 63,6% so với quý I/2018.

(Nguồn: S&P Global Platts)